

Số: 1504/QĐ-ĐHTCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ đầu năm 2019
(Học kỳ II, NH: 2018 – 2019) cho sinh viên khóa 15D bậc đại học và khóa C16
bậc cao đẳng hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 - 2017;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quyết định về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 7238/BTC-KHTC ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về tiếp tục thực hiện tự chủ theo Nghị quyết 77/NQ-CP và Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 2 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc Ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-ĐHTCM ngày 14 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 205/QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 2 năm 2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-ĐHTCM, ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing về việc cấp tổng quỹ và chỉ tiêu học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên hệ chính quy tập trung năm 2019;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện học kỳ đầu năm 2019 (Học kỳ II, năm học 2018 – 2019) và kết luận phiên họp Hội đồng xét học bổng của khóa 15D bậc đại học và khóa C16 bậc cao đẳng hệ chính quy của Nhà trường ngày 03 tháng 7 năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ đầu năm 2019 (Học kỳ II, năm học 2018 – 2019) cho **456 sinh viên** khóa 15D bậc đại học và khóa C16 bậc cao đẳng hệ chính quy với tổng số tiền là: **1.775.529.121 đồng** (Một tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn một trăm hai mươi một đồng).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ danh sách sinh viên và mức tiền học bổng khuyến khích học tập đã được quy định tại Điều 1, Phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm chi trả tiền học bổng khuyến khích học tập và các Khoa, Viện, Phòng Công tác – Sinh viên có trách trao giấy khen của Nhà trường cho sinh viên.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng các phòng, khoa có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KH-TC, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504** /QĐ-ĐHTCM ngày **19** / 7 /2019)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610411020	Trần Thị Hồng	Thúy	C16D1	3.63	97	8	Xuất sắc	5	371,250	1,856,250	31310001100985	BIDV-Bắc Sài Gòn
2	1610411014	Phạm Thị Tuyết	Nga	C16D1	3.55	97	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001101553	BIDV-Bắc Sài Gòn
		Cộng:	2								3,489,750		
II	BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D												
1	1521002556	Nguyễn Hoàng Phú	Lợi	15DTH	4.00	98	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000972215	BIDV-Bắc Sài Gòn
2	1521002552	Đoàn Lê Khánh	Linh	15DTK	4.00	94	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000974637	BIDV-Bắc Sài Gòn
3	1521002568	Trần Hiếu	Nghĩa	15DTH	3.70	91	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	210311179	ACB-Lê Văn Sỹ
4	1521002613	Trịnh Thị Thanh	Trúc	15DTH	4.00	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962669	BIDV-Bắc Sài Gòn
		Cộng:	4								21,218,750		
		Tổng cộng:	6	Sinh viên							24,708,500		

Hai mươi bốn triệu bảy trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày

tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH
MARKETING

TS Hoàng Đức Long

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA DU LỊCH
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504** /QĐ-ĐHTCM ngày **19/ 7 /2019**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610362017	Nguyễn Thị Huy	Hoàng	C16C6B	3.56	86	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001102839	BIDV-Bắc Sài Gòn
2	1610361026	Đào Thị	Linh	C16C6A	3.56	82	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001129874	BIDV-Bắc Sài Gòn
3	1610362044	Đoàn Thị	Son	C16C6B	3.48	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001128792	BIDV-Bắc Sài Gòn
4	1610362058	Lê Thị	Trinh	C16C6B	3.45	89	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001123991	BIDV-Bắc Sài Gòn
5	1610362054	Bùi Thị Lệ	Thúy	C16C6B	3.45	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001131222	BIDV-Bắc Sài Gòn
6	1610362048	Lê Thị	Thảo	C16C6B	3.41	90	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001104011	BIDV-Bắc Sài Gòn
7	1610351009	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	C16C5A	3.38	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001117897	BIDV-Bắc Sài Gòn
8	1610361025	Bùi Thị Mỹ	Linh	C16C6A	3.38	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001131170	BIDV-Bắc Sài Gòn
		Cộng:	8								13,068,000		
II	BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D												
1	1521000908	Nguyễn Thị Mai	Trinh	15DQN1	4.00	100	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	060201935515	Sacombank-CN Bình Tây
2	1521002151	Nguyễn Thị Kim	Thoại	15DKS2	4.00	92	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	060116296627	Sacombank-Nguyễn Thị Minh Khai
3	1521000653	Phạm Trần Minh	Anh	15DKS2	3.70	97	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000965774	BIDV-Bắc Sài Gòn
4	1521000879	Nguyễn Minh	Phượng	15DQN1	3.70	91	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000971540	BIDV-Bắc Sài Gòn
5	1521000660	Trần Tấn	Đạt	15DKS1	4.00	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000980768	BIDV-Bắc Sài Gòn
6	1521000910	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	15DQN1	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000970158	BIDV-Bắc Sài Gòn
7	1521000667	Lê Nguyễn Nhật Thùy	Duyên	15DKS1	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000979623	BIDV-Bắc Sài Gòn
8	1521000700	Trần Tuấn	Kiệt	15DKS1	4.00	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962906	BIDV-Bắc Sài Gòn
9	1521000694	Huỳnh Tấn	Khang	15DKS1	3.70	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000973023	BIDV-Bắc Sài Gòn

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
10	1521000718	Nguyễn Thị Trúc	Ly	15DKS2	3.70	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	17910000099833	BIDV-Bình Hu
11	1521000827	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	15DQN2	3.70	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000977168	BIDV-Bắc Sài
12	1521000846	Trần Thị Kim	Huyền	15DQN1	3.70	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963583	BIDV-Bắc Sài
13	1521002400	Lê Thị Thanh	Ngân	15DKS3	3.50	100	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978815	BIDV-Bắc Sài
14	1521000554	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	15DLH	3.50	100	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000969147	BIDV-Bắc Sài
15	1521000623	Hồ Đặng Trung	Tín	15DLH	3.50	100	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000973953	BIDV-Bắc Sài
16	1521000544	Tạ Thị Mỹ	Duyên	15DSK	3.50	96	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000964939	BIDV-Bắc Sài
17	1521000547	Nguyễn Thị Ngọc	Hải	15DLH	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000981141	BIDV-Bắc Sài
18	1521000866	Tăng Thị Kim	Ngân	15DQN1	3.50	91	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000964911	BIDV-Bắc Sài
19	1521000533	Trần Thị	Diễm	15DSK	3.50	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963732	BIDV-Bắc Sài
20	1521000903	Phạm Thị Cẩm	Tím	15DQN2	3.50	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000966218	BIDV-Bắc Sài
Vượt 01 CT do có 02 SV cùng điểm HT và RL, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8 - chia đôi cho 2 SV													
21	1521000553	Võ Minh	Hiếu	15DLH	3.50	87	8	Giỏi	5	962,500	2,406,250	31310000962076	BIDV-Bắc Sài
22	1521000555	Ngô Thị Minh	Huệ	15DSK	3.50	87	8	Giỏi	5	962,500	2,406,250	31310000977399	BIDV-Bắc Sài
		Cộng:	22								103,687,500		
		Tổng cộng:	30	Sinh viên							116,755,500		

Một trăm mười sáu triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn năm trăm đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày

tháng 7 năm 2019

Aul
Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

Đoàn Hồng Diễm

hu
TS Hoàng Đức Long



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504** /QĐ-ĐHTCM ngày **19/ 7 /2019**)

Sĩt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ												
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610217043	Phan Thị Thanh	Thùy	C16B1G	4.00	89	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001137178	BIDV-Bắc Sài
2	1610217033	Lê Thị	Tâm	C16B1G	4.00	86	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001104039	BIDV-Bắc Sài
3	1610231028	Bùi Võ Tường	Vy	C16B3	3.89	89	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001105290	BIDV-Bắc Sài
4	1610212027	Nguyễn Huỳnh ánh	Linh	C16B1B	3.83	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001103391	BIDV-Bắc Sài
5	1610222017	Trần Thị Thanh	Ngân	C16B2B	3.77	83	9	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001134504	BIDV-Bắc Sài
6	1610216052	Nguyễn Thị Thu	Thủy	C16B1F	3.75	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001102200	BIDV-Bắc Sài
7	1610215069	Hàng Thị Như	ý	C16B1E	3.74	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001104677	BIDV-Bắc Sài
8	1610213037	Huỳnh Thanh	Nga	C16B1C	3.66	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001104464	BIDV-Bắc Sài
9	1610217055	Bùi Thị Minh	Trí	C16B1G	3.64	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001131189	BIDV-Bắc Sài
10	1610213066	Nguyễn Thị Phương	Uyên	C16B1C	3.61	87	11	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001117019	BIDV-Bắc Sài
11	1610215039	Dương Thị Tuyết	Nhi	C16B1E	3.56	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001141771	BIDV-Bắc Sài
12	1610216023	Trần Lê Mai	Mi	C16B1F	3.56	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001101191	BIDV-Bắc Sài
13	1610212036	Lê Thị Tuyết	Nhi	C16B1B	3.56	80	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001103939	BIDV-Bắc Sài
14	1610217010	Cao Thị Kim	Lan	C16B1G	3.55	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001130849	BIDV-Bắc Sài
15	1610231012	Nguyễn Thị Ngọc	Lắm	C16B3	3.51	86	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001102501	BIDV-Bắc Sài
16	1610212009	Phan Thị Thùy	Dung	C16B1B	3.51	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001137123	BIDV-Bắc Sài
17	1610215068	Trần Thúy	Vy	C16B1E	3.49	87	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001100754	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
18	1610216026	Nguyễn Thị	Ngân	C16B1F	3.49	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001117611	BIDV-Bắc Sài
19	1610216035	Đoàn Thị Kim	Nhụy	C16B1F	3.49	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	0431000237700	Vietcombank-9
20	1610215061	Phạm Thị	Trang	C16B1E	3.46	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001138047	BIDV-Bắc Sài
21	1610222024	Nguyễn Thị Bích	Quỳnh	C16B2B	3.45	84	11	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001119653	BIDV-Bắc Sài
22	1610215052	Lê Thị Thiên	Thảo	C16B1E	3.45	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001124277	BIDV-Bắc Sài
23	1610222020	Trần Thị Yến	Nhi	C16B2B	3.41	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001134045	BIDV-Bắc Sài
24	1610213059	Nguyễn Thị Hoài	Trang	C16B1C	3.41	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001102927	BIDV-Bắc Sài
25	1610231001	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Châu	C16B3	3.40	86	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001103276	BIDV-Bắc Sài
26	1610222035	Nguyễn Thị Thu	Trang	C16B2B	3.39	88	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001102194	BIDV-Bắc Sài
27	1610214017	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	C16B1D	3.34	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001132012	BIDV-Bắc Sài
28	1610222038	Nguyễn Thị Cẩm	Tuyên	C16B2B	3.31	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001103036	BIDV-Bắc Sài
29	1610217035	Trịnh Thị	Thành	C16B1G	3.30	89	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001133626	BIDV-Bắc Sài
30	1610217038	Bùi Thị Lệ	Thiệp	C16B1G	3.30	87	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001105403	BIDV-Bắc Sài
31	1610214041	Nguyễn Thị Băng	Nhi	C16B1D	3.30	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001119811	BIDV-Bắc Sài
32	1610222031	Trịnh Bích	Thuận	C16B2B	3.30	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001133741	BIDV-Bắc Sài
Vượt 01 CT do có 02 SV cùng điểm HT và RL, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.10 - Chia đôi cho 2 SV													
33	1610213019	Phạm Thị Kiều	Giang	C16B1C	3.30	83	8	Giỏi	5	326,700	816,750	31310001138560	BIDV-Bắc Sài
34	1610214042	Hà Thị	Như	C16B1D	3.30	83	8	Giỏi	5	326,700	816,750	31310001104686	BIDV-Bắc Sài
		Cộng:	34								53,905,500		
II BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D_32 CT													
1	1521002453	Bùi Nguyễn Quang	Thái	15DAC2	4.00	90	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	18810000060172	BIDV-Châu Th
2	1521002510	Đoàn Quốc	Việt	15DAC2	3.59	80	11	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000974594	BIDV-Bắc Sài
3	1521002405	Nguyễn Trần Mỹ	Ngân	15DAC2	3.50	95	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000981035	BIDV-Bắc Sài
4	1521002358	Khuất Thị Minh	Hòa	15DKT1	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000972677	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
5	1521002412	Nguyễn Thắm	Ngọc	15DKT2	3.50	93	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000970635	BIDV-Bắc Sài
6	1521002509	Thị Trần Mai	Vi	15DKT2	3.50	90	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	3711197	ACB-Lê Văn
7	1521002314	Dương Hoàng Ngọc	Châu	15DKT1	3.50	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033420934013	Techcombank Bình Dân
8	1521002382	Ngô Thị Thùy	Linh	15DKT1	3.50	87	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000977326	BIDV-Bắc Sài
9	1521002368	Nguyễn Thụy Thu	Huỳnh	15DKT1	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000967363	BIDV-Bắc Sài
10	1521002390	Đoàn Văn	Minh	15DAC2	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000974503	BIDV-Bắc Sài
11	1521002456	Phạm Thị Phương	Thanh	15DKT1	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965941	BIDV-Bắc Sài
12	1521002494	Nguyễn Ngọc Đoàn	Trinh	15DKT1	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0251002768651	Vietcombank-Tây
13	1521002372	Tôn Ân	Lâm	15DKT1	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000964665	BIDV-Bắc Sài
14	1521002317	Trần Lê	Đại	15DAC2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000964258	BIDV-Bắc Sài
15	1521002325	Trần Hoàng	Đức	15DAC1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310001207026	BIDV-Bắc Sài
16	1521002329	Trần Thị Phong	Dung	15DKT1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000980397	BIDV-Bắc Sài
17	1521002349	Nguyễn Thị Kim	Hậu	15DAC2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0271001026791	Vietcombank-Q Ngãi
18	1521002433	Nguyễn Thị	Phao	15DKT2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968630	BIDV-Bắc Sài
19	1521002506	Mai Kim	Vân	15DKT2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000977876	BIDV-Bắc Sài
20	1521002378	Đỗ Thúy	Liều	15DAC1	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000974743	BIDV-Bắc Sài
21	1521002396	Huỳnh Hoa Thanh	Nga	15DAC2	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000973306	BIDV-Bắc Sài
22	1521002458	Bùi Thị	Thảo	15DAC2	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	104002407059	VietinBank-C nhánh 4
23	1521002499	Lê Thanh	Tường	15DAC1	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	36810000277725	BIDV-Tân Bì
24	1521002503	Phạm Ngọc Vân	Uyên	15DAC2	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	'040037072739	Sacombank-Phú
25	1521000608	Nguyễn Phương	Thảo	15DAC1	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0251002761004	Vietcombank-E Tây
26	1521000812	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	15DAC2	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0921000723693	Vietcombank-Q 8

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
	Vượt 03 CT do có 09 SV cùng điểm HT và RL, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.4 - Chia đều số tiền 06 suất cho 9 SV												
27	1521001207	Mai Thị Thanh	Thảo	15DKT2	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	31310000977742	BIDV-Bắc Sài
28	1521001840	Thái Thị Mỹ	Duyên	15DAC1	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	6705267115483	Agribank-Tân An Giang
29	1521002337	Huỳnh Đăng Thúy	Hà	15DAC1	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	31310001207682	BIDV-Bắc Sài
30	1521002376	Nguyễn Thị Kim	Liên	15DAC2	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	0721000635381	Vietcombank-Hồ Chí Minh
31	1521002471	Nguyễn Anh	Thư	15DAC2	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	141010101000384	Eximbank-Ng. Thị Thập
32	1521002473	Trần Thị Anh	Thư	15DAC2	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	5915205083594	Agribank-Dồng
33	1521002484	Dương Thị Phúc	Trần	15DAC2	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	31310000974284	BIDV-Bắc Sài
34	1521002487	Cao Thị Thuỳ	Trang	15DKT2	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	5616 205 108 639	AGRIBANK-F. Quan
35	1521000223	Đặng Thùy	Hương	15DAC1	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	3,208,333	0401001412517	Vietcombank-CN Nhơn Tr
		Cộng:	35										
		Tổng cộng (A):	69								154,656,247		
											208,561,747		
B	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO												
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1630202003	Trần Thị Vân	Anh	C16Q2B2	4.00	91	7	Xuất sắc	5	742,500	3,712,500	31310001134090	BIDV-Bắc Sài
2	1630203046	Nguyễn Thị Mai	Trinh	C16Q2B3	4.00	90	7	Xuất sắc	5	742,500	3,712,500	31310001102662	BIDV-Bắc Sài
3	1630201054	Nguyễn Thị Mộng	Trúc	C16Q2B1	4.00	89	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001102626	BIDV-Bắc Sài
4	1630201015	Lê Thị	Hương	C16Q2B1	4.00	85	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001124994	BIDV-Bắc Sài
5	1630201041	Nguyễn Hoàng Anh	Thi	C16Q2B1	4.00	85	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001121986	BIDV-Bắc Sài
6	1630202053	Đỗ Thị Như	Yến	C16Q2B2	4.00	85	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001129227	BIDV-Bắc Sài
7	1630203048	Phan Thị Thanh	Trúc	C16Q2B3	4.00	85	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001101377	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hà Chi nhánh
Vượt 01 CT do có 02 SV cùng điểm HT và RL, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 9 - Chia đôi cho 2 SV													
8	1630201048	Bùi Ngọc Minh	Trâm	C16Q2B1	4.00	84	7	Giỏi	5	653,400	1,633,500	31310001131417	BIDV-Bắc Sài
9	1630203030	Võ Thị	Quyên	C16Q2B3	4.00	84	7	Giỏi	5	653,400	1,633,500	31310001100295	BIDV-Bắc Sài
		Cộng:	9								27,027,000		
II BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D													
1	1521002402	Nguyễn Nhan Trúc	Ngân	CLC_15DKT	4.00	97	8	Xuất sắc	5	2,187,500	10,937,500	31310000986155	BIDV-Bắc Sài
		Cộng:	1								10,937,500		
		Tổng Cộng (B):	10								37,964,500		
		Tổng cộng(A+B):	79	Sinh viên							246,526,247		

Hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi bảy đồng./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

P. TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày

tháng 7 năm 2019

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Trọng Tiến

TS Hoàng Đức Long



TS Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA MARKETING
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số 1504 /QĐ-ĐHTCM ngày 19/ 7 /2019)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ												
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610342052	Ngô Trọng	Toàn	C16C4B	3.93	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001122615	BIDV-Bắc Sài
2	1610343056	Võ Thị Hồng	Tươi	C16C4C	3.56	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001100365	BIDV-Bắc Sài
3	1610341013	Phan Thị	Hà	C16C4A	3.56	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001137521	BIDV-Bắc Sài
4	1610342038	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	C16C4B	3.55	81	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001140103	BIDV-Bắc Sài
5	1610343047	Trương Thị Kim	Thoa	C16C4C	3.45	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001100523	BIDV-Bắc Sài
6	1610341036	Đào Thị Thu	Phương	C16C4A	3.44	82	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001129829	BIDV-Bắc Sài
7	1610342046	Nguyễn Mai	Thị	C16C4B	3.33	80	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001121171	BIDV-Bắc Sài
8	1610342039	Bùi Thị Như	Quỳnh	C16C4B	3.30	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001105388	BIDV-Bắc Sài
9	1610341038	Lê Thanh	Quỳnh	C16C4A	3.30	82	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001125474	BIDV-Bắc Sài
10	1610341041	Nguyễn Yến	Sang	C16C4A	3.19	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001139217	BIDV-Bắc Sài
		Cộng:	10								16,186,500		
II	BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D_59 CT												
1	1521001164	Nguyễn Văn	Phẩm	15DQH	4.00	94	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000966962	BIDV-Bắc Sài
2	1521002644	Trương Ngọc	Kiên	15DMA4	4.00	93	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	0561000533688	Vietcombank-Trọng, Lâm Đ
3	1521001043	Phạm Thị	Huyền	15DMA3	4.00	92	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000966139	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hà Chi nhánh
4	1521002626	Lương Văn	Việt	15DMA5	4.00	92	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000978189	BIDV-Bắc Sà
5	1521001092	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	15DQH	4.00	91	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	210610261000018	Eximbank-P Trung So
6	1521000931	Lê Thị Hồng	Anh	15DMA5	4.00	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0110930129	Đông Á-An S
7	1521001305	Lê Thị Phương	Uyên	15DMA5	4.00	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978860	BIDV-Bắc Sà
8	1521001029	Hồ Bình	Hưng	15DMC	4.00	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000973980	BIDV-Bắc Sà
9	1521001078	Phạm Thị Duy	Linh	15DMA2	4.00	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000966209	BIDV-Bắc Sà
10	1521001093	Phạm Thị Quỳnh	Mai	15DMA5	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0921000714637	Vietcombank Rộng
11	1521001290	Lưu Hón	Trung	15DMC	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978170	BIDV-Bắc Sà
12	1521001297	Nguyễn Thị Phương	Tường	15DQH	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968542	BIDV-Bắc Sà
13	1521001097	Nguyễn Quốc Hoàng	Minh	15DMA2	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000970796	BIDV-Bắc Sà
14	1521001303	Hồ Thị	Ty	15DMA2	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	17710000198499	BIDV-Trường
15	1521001752	Vũ Hoàng	Yến	15DMC	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	177071536	VPBank-TP.H
16	1521000960	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	15DMA5	4.00	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000969925	BIDV-Bắc Sà
17	1521001045	Trần Thị Bích	Huyền	15DMA5	4.00	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963769	BIDV-Bắc Sà
18	1521001013	Phan Thanh	Hiền	15DMC	3.70	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965473	BIDV-Bắc Sà
19	1521000344	Nguyễn Thanh	Phong	15DMA3	3.70	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	1424767	ACB-Trần H Đạo (TPHC
20	1521001000	Đặng Thị Ái	Hân	15DMC	3.50	96	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0071001134159	Vietcombank-C Vấp
21	1521001041	Trần Hữu	Huy	15DMA1	3.50	96	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0431000224558	Vietcombank-Tài (Quy Nh
22	1521001168	Đỗ Hồng	Phụng	15DQH	3.50	96	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	2517027	ACB-Phổ Qu
23	1521001079	Phạm Thị Thùy	Linh	15DQH	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965844	BIDV-Bắc Sà
24	1521001080	Trần Thị	Linh	15DQH	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963547	BIDV-Bắc Sà
25	1521001159	Nguyễn Thị	Ni	15DMA1	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968658	BIDV-Bắc Sà
26	1521000946	Đào Thanh	Bình	15DMC	3.50	92	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000975436	BIDV-Bắc Sà

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
27	1521000927	Nguyễn Thị Thúy	An	15DMC	3.50	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968074	BIDV-Bắc Sài Gòn
28	1521000982	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	15DMA4	3.50	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	470520522957	Agribank-Vĩnh Long
29	1521001023	Nguyễn Minh	Hồng	15DMC	3.50	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000971577	BIDV-Bắc Sài Gòn
30	1521001052	Đỗ Duy	Khanh	15DMA5	3.50	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000975001	BIDV-Bắc Sài Gòn
31	1521001073	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	15DMA4	3.50	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000981275	BIDV-Bắc Sài Gòn
32	1521001440	Nguyễn Văn	Bản	15DMA3	3.50	89	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	040037004830	Sacombank-Phước Ninh
33	1521001044	Phan Thị Mỹ	Huyền	15DMA4	3.50	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965330	BIDV-Bắc Sài Gòn
34	1521001068	Nguyễn Thị Phương	Liên	15DMA1	3.50	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968588	BIDV-Bắc Sài Gòn
35	1521001284	Nguyễn Thị Lệ	Trình	15DQH	3.50	87	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000969369	BIDV-Bắc Sài Gòn
36	1521001311	Đặng Thị Cẩm	Vân	15DMC	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033938169019	Techcombank-Chí Minh
37	1521001330	Diệp Hoàng	Yến	15DMA3	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	7701205067641	AGRIBANK-Lương, Kiến C
38	1521001017	Võ Thị Tuyết	Hoa	15DMC	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0421 0005 38 122	Vietcombank-Vương
39	1521001112	Nguyễn Lâm Bảo	Ngân	15DMC	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000971799	BIDV-Bắc Sài Gòn
40	1521001114	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	15DMA3	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	71010001487744	BIDV-Tiền G
41	1521001260	Nguyễn Hà Phương	Trâm	15DMC	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0531002575922	Vietcombank-Sài Gòn
42	1521001261	Phạm Ngọc Bảo	Trâm	15DQH	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	58110001109400	BIDV-Phú T
43	1521001263	Lê Thị Diễm	Trân	15DMA3	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000979234	BIDV-Bắc Sài Gòn
44	1521001292	Vũ Quốc	Trung	15DMC	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033693517016	Techcombank-T
45	1521000985	Nguyễn Thị	Gái	15DMC	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	5204205204400	Agribank-Kr
46	1521001024	Nguyễn Thị Thu	Hồng	15DMA4	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	101002407204	Ana, Đắk L
47	1521001025	Lê Thị	Hộp	15DMA5	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310001205899	Vietinbank-C
48	1521001071	Lê Thị Cẩm	Linh	15DMA3	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000979270	nhánh 4
49	1521001077	Nguyễn Vũ Mỹ	Linh	15DMA1	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	4639217	BIDV-Bắc Sài Gòn
50	1521001179	Lê Thị	Quy	15DQH	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	4308 2051 57130	ACB-Nguyễn K
													Agribank-Hoài Bình Định

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
51	1521001287	Trần Thị Thanh	Trình	15DQH	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0531002552370	Vietcombank Sài Gòn
SV cùng điểm HT 3.50 và RL 83, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.4													
52	1521001120	Lương Lê Hồng	Ngọc	15DQH	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978286	BIDV-Bắc Sài
53	1521001223	Từ Khải	Thông	15DQH	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962313	BIDV-Bắc Sài
54	1521001308	Nguyễn Thu	Uyên	15DMC	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000967460	BIDV-Bắc Sài
55	1521001326	Phạm Thị Hà	Xuyên	15DMA4	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	3603205179168	Agribank-Đô L
Vượt 01 CT do có 05 SV cùng điểm HT 3.50 và RL 83, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8 - Chia đều 4 suất cho 5 SV													
56	1521000984	Võ Thị Xuân	Duyên	15DMC	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	3,850,000	31310000961578	BIDV-Bắc Sài
57	1521001056	Trần Hoàng	Khanh	15DMA1	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	3,850,000	0581000753115	Vietcombank Rạch
58	1521001057	Lê Phương	Khánh	15DQH	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	3,850,000	107002408028	Vietinbank-TP.
59	1521001246	Vũ Thụy Khánh	Thy	15DMA3	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	3,850,000	168718853	VPBank-TP.H
60	1521001300	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	15DQH	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	3,850,000	31310000969439	BIDV-Bắc Sài
		Cộng:	60										
		Tổng cộng (A):	70								287,218,750		
											303,405,250		
B CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO - BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D_10 CT													
1	1521001115	Tăng Bảo	Ngân	CLC_15DMA1	4.00	91	8	Xuất sắc	5	2,187,500	10,937,500	31310000986632	BIDV-Bắc Sài
2	1521001215	Vũ Phương	Thảo	CLC_15DMA2	4.00	89	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	61510000416839	BIDV-CN N Thuận
3	1521001321	Lê Nguyễn Ý	Vy	CLC_15DMA2	4.00	89	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310001207132	BIDV-Bắc Sài
4	1521001266	Bùi Nhật Thiên	Trang	CLC_15DMA2	4.00	80	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310001207284	BIDV-Bắc Sài
5	1521001306	Nguyễn Hoàng Thái	Uyên	CLC_15DMA1	3.70	82	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	195214689	ACB-TTTM V Tàu
6	1521001385	Lê Nguyễn Huỳnh	Như	CLC_15DMA2	3.70	82	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310000988212	BIDV-Bắc Sài
7	1521000714	Trần Bảo Khánh	Linh	CLC_15DMA1	3.50	100	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	13610000090073	BIDV-CN B Thạnh

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
8	1521000662	Đặng Trí	Dũng	CLC_15DMA1	3.50	96	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	0721000648287	Vietcombank
9	1521001758	Đoàn Bảo	Ân	CLC_15DMA1	3.50	95	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310000986678	Đông
10	1521001084	Chung Kham	Lực	CLC_15DMA1	3.50	93	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310000986687	BIDV-Bắc Sơn
		Cộng (B):	10										
		Tổng cộng(A+B):	80	Sinh viên							97,562,500		
											400,967,750		

Bốn trăm triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG KHOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2019
TRƯỞNG PHÒNG KHTC



Thái T. Lan Anh
Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải
ThS. Nguyễn Thanh Hải

Ts. Nguyễn Xuân Trường
Ts. Nguyễn Xuân Trường

TS Hoàng Đức Long
TS Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA NGOẠI NGỮ
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504** /QĐ-ĐHTCM ngày **19/7/2019**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D_10 CT													
1	1521000053	Huỳnh Ngọc Thu	Ngân	15DTA1	4.00	97	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000973111	BIDV-Bắc Sài C
2	1521000082	Phan Thị Thương	Thảo	15DTA2	3.70	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965215	BIDV-Bắc Sài C
3	1521000047	Lê Trần Triệu	Mẫn	15DTA1	3.50	97	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978499	BIDV-Bắc Sài C
4	1521000038	Nguyễn Hoàn Khánh	Linh	15DTA2	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000976776	BIDV-Bắc Sài C
5	1521000066	Võ Hoàng	Phúc	15DTA1	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962128	BIDV-Bắc Sài C
6	1521000054	Võ Thị Thiên	Ngân	15DTA2	3.50	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	67910000198355	BIDV-Biên Hò
7	1521000069	Trần Thị Diễm	Phương	15DTA2	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963723	BIDV-Bắc Sài C
8	1521000059	Vương Bình	Nhi	15DTA1	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000961259	BIDV-Bắc Sài C
9	1521000067	Lưu Minh	Phương	15DTA2	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	103002409500	Vietinbank-Chi nh
10	1521000070	Võ Ngọc Trúc	Phương	15DTA1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962021	BIDV-Bắc Sài C
		Cộng:	10	Sinh viên							48,781,250		

Bốn mươi tám triệu bảy trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG KHOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2019
TRƯỞNG PHÒNG KHTC

HIỆU TRƯỞNG

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Nguyễn Ngọc Trân Châu

TS. Hoàng Đức Long



Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Nguyễn Ngọc Trân Châu

TS. Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số 1504 /QĐ-ĐHTCM ngày 19/ 7 /2019)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ												
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610332039	Đặng Thị Hồng	Ngọc	C16C3B	3.48	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001130344	BIDV-Bắc Sài C
2	1610371020	Võ Thị Ngọc	Linh	C16C7A	3.45	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001141300	BIDV-Bắc Sài C
3	1610371044	Phạm Hoàng	Vân	C16C7A	3.45	82	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001139068	BIDV-Bắc Sài C
4	1610371032	Nguyễn Thị	Quê	C16C7A	3.34	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001102370	BIDV-Bắc Sài C
5	1610371001	Đào Thị Tuyết	Anh	C16C7A	3.33	81	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001105023	BIDV-Bắc Sài C
6	1610333009	Phạm Thị Như	Duyên	C16C3C	3.30	89	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001101678	BIDV-Bắc Sài C
7	1610334016	Trương Phước	Lợi	C16C3D	3.25	80	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001133477	BIDV-Bắc Sài C
8	1610371036	Vũ Thị Lệ	Thuy	C16C7A	3.23	89	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001100170	BIDV-Bắc Sài C
9	1610371021	Phan Thị Thùy	Linh	C16C7A	3.23	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001137099	BIDV-Bắc Sài C
10	1610331012	Nguyễn Thị Kim	Dung	C16C3A	3.38	78	14	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001118614	BIDV-Bắc Sài C
11	1610334036	Lê Thị Cẩm	Thạch	C16C3D	3.23	75	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001125289	BIDV-Bắc Sài C
12	1610371027	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	C16C7A	3.21	73	11	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001131684	BIDV-Bắc Sài C
13	1610331067	Nguyễn Thị	Trung	C16C3A	3.18	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001140370	BIDV-Bắc Sài C
14	1610334039	Nguyễn Diệp Phương	Thảo	C16C3D	3.18	75	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001122323	BIDV-Bắc Sài C
15	1610333029	Vũ Chúc	Ly	C16C3C	3.15	85	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001140963	BIDV-Bắc Sài C
16	1610371022	Bùi Mỹ	Linh	C16C7A	3.15	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001131444	BIDV-Bắc Sài C
17	1610331027	Trần Thị Hồng	Huệ	C16C3A	3.11	89	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001101003	BIDV-Bắc Sài C
18	1610332052	Đỗ Thị Huyền	Phương	C16C3B	3.11	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001129272	BIDV-Bắc Sài C
		Cộng:	18								28,066,500		
II	BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D_26 CT												

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
1	1521000159	Trần Thị Kim	Dung	15DQT2	4.00	92	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000963592	BIDV-Bắc Sài
2	1521000129	Huỳnh Quốc	Bình	15DQT2	3.70	91	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	161239933	VPBank-Sà Gòn/PGD Phú
3	1521000120	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15DDA	4.00	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968986	BIDV-Bắc Sài
4	1521000225	Phan Diệu	Hương	15DQK	4.00	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965631	BIDV-Bắc Sài
5	1521000497	Phạm Tuyết Lan	Uyên	15DQK	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	6901205038441	Agribank-Mỹ Tiễn Giang
6	1521000248	Lê Hoàng	Lan	15DQK	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000979881	BIDV-Bắc Sài
7	1521000396	Mai Thị Như	Thảo	15DQT3	3.70	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000977751	BIDV-Bắc Sài
8	1521000132	Đinh Thị Kim	Chi	15DQT3	3.70	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	060208924721	SACOMBANK Tân Bình
9	1521000128	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	15DQT1	3.70	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968922	BIDV-Bắc Sài
10	1521000135	Võ Quốc	Cường	15DQT1	3.70	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	76210001398234	BIDV-CN Phú
11	1521000254	Phương Quế	Lệ	15DBH2	3.70	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965002	BIDV-Bắc Sài
12	1521000119	Nguyễn Thị Lan	Anh	15DQK	3.51	82	11	Giỏi	5	962,500	4,812,500	5408205108632	Agribank-Dĩ Li Lâm Đồng
13	1521000422	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	15DDA	3.50	97	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	668704060056964	VIB-Cách mạng tháng 8
14	1521000274	Khẩu Thị Kim	Luyến	15DQT1	3.50	96	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033753513015	Techcombank-C Lớn - PGD Đồ Khánh
15	1521000392	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	15DQT2	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000982038	BIDV-Bắc Sài
16	1521000402	Thái Kiều Phương	Thảo	15DQT2	3.50	93	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	65110001764632	BIDV-CN Bến N
17	1521000361	Võ Thị Trúc	Phương	15DQT3	3.50	92	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000961611	BIDV-Bắc Sài
18	1521000462	Trần Thị Đoan	Trang	15DQT3	3.50	90	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963714	BIDV-Bắc Sài
19	1521000219	Trần Thị Tuyết	Hồng	15DBH2	3.50	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	4671587	ACB-Lý Thườ Kiệt
20	1521000455	Trần Thị Bảo	Trân	15DDA	3.50	87	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963796	BIDV-Bắc Sài
21	1521000439	Trần Thị Thủy	Tiên	15DBH1	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	7000205178363	ARGIBANK-V Thanh (Hậu Gia
22	1421004593	Nguyễn Lê Trà	My	15DQK	3.50	85	11	Giỏi	5	962,500	4,812,500	6467457	ACB-PGD Diệ Biên Phú
23	1521000124	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15DBH1	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968959	BIDV-Bắc Sài
24	1521000697	Trần Thị Mai	Khanh	15DQT1	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963538	BIDV-Bắc Sài
25	1521000316	Lương Thị Bích	Ngọc	15DQT1	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978231	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
26	1521000454	Lý Bảo	Trân	15DQK	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978064	BIDV-Bắc Sài
27	1521000207	Nguyễn Thanh	Hiển	15DQT1	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033964341016	Techcombank-T
28	1521000692	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	15DQT3	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033979657011	Techcombank-Kiêu
29	1521002629	Đào Duy	Khang	15DQT2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000981910	Techcombank-Quy
30	1521000183	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	15DQT3	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000970219	BIDV-Bắc Sài
31	1521000336	Phan Thị Ái	Như	15DBH2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965437	BIDV-Bắc Sài
32	1521000337	Phạm Cẩm	Nhung	15DQT2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	5269457	ACB-Phổ Qua
33	1521000343	Võ Thị Tường	Oanh	15DQT2	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000961602	BIDV-Bắc Sài
34	1521000373	Ngô Thị Trúc	Quỳnh	15DQT3	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	102002408963	VietinBank-C
35	1521000387	Trần Thị Thanh	Tâm	15DQK	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963307	BIDV-Bắc Sài
36	1521000194	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15DQT1	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000968038	BIDV-Bắc Sài
37	1521000215	Phạm Trung	Hòa	15DQT2	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000965747	BIDV-Bắc Sài
38	1521000318	Tiêu Thái	Ngọc	15DQT2	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310001206157	BIDV-Bắc Sài
39	1521000352	Nguyễn Thị Tuyết	Phụng	15DQT1	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000967628	BIDV-Bắc Sài
40	1521000354	Đào Thị Ngọc	Phương	15DQK	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000975384	BIDV-Bắc Sài
SV cùng điểm HT 3.50 và RL 80, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.4													
41	1521002242	Huỳnh Phan Lê	Tuấn	15DQK	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310001207318	BIDV-Bắc Sài
Vượt 01 CT do có 02 SV cùng điểm HT và RL, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.2 - Chia đều cho 2 SV													
42	1521000364	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	15DQT1	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	2,406,250	19034243408019	Techcombank-TPH
43	1521000520	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	15DQT3	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	2,406,250	19034288668011	Techcombank-TPH
		Cộng:	43								203,437,500		
		Tổng cộng (A):	61								231,504,000		
B	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO												
I	BẬP CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1630301019	Lê Cảnh	Nam	C16Q2C1	4.00	83	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001126237	BIDV-Bắc Sài
2	1630301007	Phan Thị Thanh	Hằng	C16Q2C1	3.30	89	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001101386	BIDV-Bắc Sài
3	1630301029	Vũ Quang	Sơn	C16Q2C1	3.30	84	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001105546	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
4	1630303006	Nguyễn Thành	Chánh	C16Q2C3	3.30	84	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001120239	BIDV-Bắc Sài
5	1630303021	Phùng Hoàng Đăng	Khoa	C16Q2C3	3.30	83	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	105867792536	Vietinbank-C
6	1630304026	Nguyễn Đức	Thành	C16Q2C4	3.30	83	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001122165	nhánh 7. BIDV-Bắc Sài
SV cùng điểm HT 3.30 và RL 82, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.40													
7	1630302008	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	C16Q2C2	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001131994	BIDV-Bắc Sài C
8	1630302010	Lê Thị Như	Hào	C16Q2C2	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001124471	BIDV-Bắc Sài C
Vượt 03 CT do có 04 SV cùng điểm HT 3.30 và RL 82, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8 - Chia đều cho 4 SV													
9	1630301011	Nguyễn Thị Mỹ	Hiên	C16Q2C1	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400	816,750	31310001117842	BIDV-Bắc Sài C
10	1630301025	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	C16Q2C1	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400	816,750	31310001118720	BIDV-Bắc Sài C
11	1630302032	Dương Nguyễn Thị T	Thảo	C16Q2C2	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400	816,750	31310001128613	BIDV-Bắc Sài C
12	1630303019	Lê Thị	Huyền	C16Q2C3	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400	816,750	31310001124985	BIDV-Bắc Sài C
		Cộng:	12								29,403,000		
II BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D													
1	1521000292	Nguyễn Phan Tấn	Minh	CLC_15DQT	3.70	100	8	Xuất sắc	5	2,187,500	10,937,500	31310000988595	BIDV-Bắc Sài C
		Cộng:	1								10,937,500		
		Tổng cộng (B):	13								40,340,500		
		Tổng cộng(A+B):	74	Sinh viên							271,844,500		

Hai trăm bảy mươi một triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn năm trăm đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

Thái T. Lan Anh

Thái T. Lan Anh

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

ThS. Nguyễn Thanh Hải

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Thu Phương

Nguyễn Thị Thu Phương

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

TS Hoàng Đức Long

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2019



TS Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504** /QĐ-ĐHTCM ngày **19** / 7 /2019)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ												
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610111064	Phan Thị Ánh	Tuyết	C16A2A	4.00	86	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001101456	BIDV-Bắc Sài
2	1610111061	Ngô Thị Đoan	Trang	C16A2A	4.00	80	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001103638	BIDV-Bắc Sài
3	1610111027	Lê Thị Mỹ	Lệ	C16A2A	3.68	80	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001124675	BIDV-Bắc Sài
4	1610111017	Phạm Dương Thúy	Hằng	C16A2A	3.58	80	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001101854	BIDV-Bắc Sài
5	1610141021	Lê Thị Hồng	Phi	C16A4A	3.56	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001125085	BIDV-Bắc Sài
		Cộng:	5										
II	BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D												
1	1521001799	Phan Minh	Chiến	15DQF	4.00	100	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000980917	BIDV-Bắc Sài
2	1521002212	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15DQF	4.00	100	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	177927813	VP BANK-TPH
3	1521001841	Trần Thị Mỹ	Duyên	15DTC1	4.00	95	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000963468	BIDV-Bắc Sài
4	1521002076	Nguyễn Ngọc Bảo	Phụng	15DTC2	4.00	95	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310001201879	BIDV-Bắc Sài
5	1521001866	Đỗ Thị Kim	Hằng	15DTC1	4.00	94	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000974840	BIDV-Bắc Sài
6	1521002184	Hồ Anh	Tiến	15DTC2	4.00	94	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000974008	BIDV-Bắc Sài
7	1521002049	Huỳnh Ngọc Chân	Như	15DTC2	4.00	92	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000973139	BIDV-Bắc Sài
8	1521002217	Đỗ Đặng Văn	Trí	15DTC1	3.70	100	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000975029	BIDV-Bắc Sài
9	1521002287	Lê Hoàng	Vy	15DNH1	3.70	95	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000979863	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
10	1521002197	Huỳnh Thị Mai	Trâm	15DTC2	3.70	92	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	0251002780802	Vietcombank-Tây
11	1521001831	Nguyễn Phan Khương	Duy	15DTC1	4.00	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000971009	BIDV-Bắc Sài
12	1521001947	Trần Thị Kiều	Liên	15DNH1	4.00	88	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033853598018	Techcombank
13	1521002036	Nguyễn Thị Mỹ	Nhàn	15DTC2	4.00	87	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000969077	Ngân Hàng
14	1521001953	Lê Thị Yên	Linh	15DNH1	4.00	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978587	BIDV-Bắc Sài
15	1521001770	Lê Tú	Anh	15DTC1	4.00	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978444	BIDV-Bắc Sài
16	1521002133	Nguyễn Diệu	Thảo	15DQF	4.00	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000977070	BIDV-Bắc Sài
17	1521002245	Trịnh Khúc Hoàng	Tuấn	15DQF	4.00	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962748	BIDV-Bắc Sài
18	1521001838	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	15DTC1	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	6110 205 206 800	Agribank-Bình
19	1521001970	Tôn Đức Thăng	Long	15DQF	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0071001228464	Vietcombank-C
20	1521002042	Phạm Nguyễn Tuyết	Nhi	15DQF	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000966430	BIDV-Bắc Sài
21	1521001833	Phạm	Duy	15DTC1	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000966731	BIDV-Bắc Sài
22	1521002246	Trịnh Minh	Tuấn	15DIF	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962720	BIDV-Bắc Sài
SV cùng điểm HT 4.00 và RL 81, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 10													
23	1521001778	Tạ Thị Quế	Anh	15DQF	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000964920	BIDV-Bắc Sài
24	1521001880	Huỳnh Thị Thu	Hiền	15DQF	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000972835	BIDV-Bắc Sài
Vượt 01 CT do có 02 SV cùng điểm HT 4.00 và RL 81, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 9.0 - Chia đều cho 2 SV													
25	1521002100	Hứa Đại Phú	Sang	15DQF	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	2,406,250	31310000973379	BIDV-Bắc Sài
26	1521002298	Đỗ Như Ý	Ý	15DNH1	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	2,406,250	31310000974901	BIDV-Bắc Sài
Cộng: 26											126,875,000		
Tổng cộng (A): 31											135,042,500		
B CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO													
I BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16													
1	1630102006	Nguyễn Thị Bích	Hà	C16Q2A2	4.00	91	7	Xuất sắc	5	742,500	3,712,500	31310001119750	BIDV-Bắc Sài
2	1630101039	Cao Văn	Vũ	C16Q2A1	4.00	89	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001105263	BIDV-Bắc Sài
3	1630103024	Nguyễn Thị Diệu	Thiện	C16Q2A3	4.00	86	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001119352	BIDV-Bắc Sài
4	1630103015	Huỳnh Lệ	Quế	C16Q2A3	4.00	82	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001127294	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh	
Vượt 02 CT do có 03 SV cùng điểm HT 3.70 và RL 881, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.80 - Chia đều cho 3 SV														
5	1630102026	Phạm Thị Kiều	My	C16Q2A2	3.70	88	7	Giỏi	5	653,400	1,089,000	31310001101766	BIDV-Bắc Sà	
6	1630102036	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	C16Q2A2	3.70	88	7	Giỏi	5	653,400	1,089,000	31310001131912	BIDV-Bắc Sà	
7	1630102038	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	C16Q2A2	3.70	88	7	Giỏi	5	653,400	1,089,000	31310001119529	BIDV-Bắc Sà	
		Tổng Cộng (B):		7							1,089,000	31310001119529	BIDV-Bắc Sà	
		Tổng cộng(A+B):		38	Sinh viên						16,780,500			
												151,823,000		
Một trăm năm mươi một triệu tám trăm hai mươi														

Một trăm năm mươi một triệu tám trăm hai mươi ba ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

TP. Hồ Chí Minh, ngày

tháng 7 năm 2019

Am

LM2

Thanh

Am



Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

PGS.TS. Hồ Thủy Tiên

TS Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA THẨM ĐỊNH GIÁ - KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504** /QĐ-ĐHTCM ngày **19/7/2019**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
	KHÓA: 15D												
1	1521001972	Ngô Thị	Lưu	15DTD	4.00	97	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000977405	BIDV-Bắc Sài Gòn
2	1521001973	Lê Tú	Ly	15DTD	4.00	93	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000978435	BIDV-Bắc Sài Gòn
3	1421005335	Đỗ Thị Mai	Lan	15DTD	4.00	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000981813	BIDV-Bắc Sài Gòn
4	1521001421	Nguyễn Khánh	Vy	15DKB2	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000971911	BIDV-Bắc Sài Gòn
5	1521001358	Chu Thế	Hoàng	15DKB1	3.50	96	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000976004	BIDV-Bắc Sài Gòn
		Tổng cộng:	5	Sinh viên							25,375,000		

Hai mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG KHOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 2019
TRƯỞNG PHÒNG KHTC

tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH
MARKETING

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Thanh Nhã

TS Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA THUẾ - HẢI QUAN
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504/QĐ-ĐHTCM** ngày **19/7/2019**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ												
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610152003	Phạm Thị Minh	Châu	C16A5B	4.00	91	8	Xuất sắc	5	371,250	1,856,250	31310001101739	BIDV-Bắc Sài Gòn
2	1610152006	Nguyễn Thị Hương	Giang	C16A5B	3.74	86	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001118942	BIDV-Bắc Sài Gòn
3	1610131029	Châu Ngọc	Thảo	C16A3A	3.66	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001105245	BIDV-Bắc Sài Gòn
4	1610152018	Phan Thị Khánh	Hưng	C16A5B	3.50	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001137442	BIDV-Bắc Sài Gòn
5	1610152023	Lê Tuấn	Kiệt	C16A5B	3.49	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001123672	BIDV-Bắc Sài Gòn
6	1610152013	Võ Thị Ngọc	Hiếu	C16A5B	3.44	92	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001100310	BIDV-Bắc Sài Gòn
7	1610153014	Phạm Văn	Lợi	C16A5C	3.44	86	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	0531002559301	VIETCOMBANK ĐÔNG SÀI GÒN
8	1610152038	Bùi Thị ánh	Nhung	C16A5B	3.38	84	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001131338	BIDV-Bắc Sài Gòn
9	1610153031	Nguyễn Ngọc Trúc	Quỳnh	C16A5C	3.31	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	0881000463237	Vietcombank-Quảng
10	1610152048	Ngô Đức	Thịnh	C16A5B	3.30	89	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001122952	BIDV-Bắc Sài Gòn
		Cộng:	10								16,557,750		
II	BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D_21 CT												
1	1521001771	Nguyễn Đình Diệu Trâm	Anh	15DPF	4.00	93	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000977052	BIDV-Bắc Sài Gòn

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
2	1521002020	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	15DPF	3.70	97	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000970404	BIDV-Bắc Sài
3	1521001784	Võ Hoài	Bảo	15DPF	3.70	91	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000962146	BIDV-Bắc Sài
4	1521001824	Phạm Thị Kiều	Dung	15DHQ	4.00	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	177210323	VPBank-TP.H
5	1521001942	Đỗ Ngọc	Lan	15DTX	4.00	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033533470013	Techcombank TP.HCM
6	1521001870	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	15DHQ	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000970121	BIDV-Bắc Sài
7	1521002000	Bùi Thị Thảo	Ngân	15DHQ	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	108002409569	VietinBank-C nhánh 4
8	1521001936	Đỗ Xuân	Kiệt	15DTX	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	106002409713	VietinBank-C nhánh 4
9	1521002019	Nguyễn Quỳnh Như	Ngọc	15DHQ	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000970741	BIDV-Bắc Sài
10	1521002654	Trần Diệu	Thảo	15DTX	4.00	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	62110000917665	BIDV-Nam Gia
11	1521001865	Đinh Thanh	Hằng	15DHQ	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	108002355284	Vietinbank-Kh Hòa
12	1521001917	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	15DHQ	4.00	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19034029934013	Techcombank-Bình
13	1521002033	Nguyễn Thị Kim	Nguyệt	15DHQ	4.00	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0331000507735	Vietcombank-B Thành
14	1521001932	Nguyễn Tiến	Khôi	15DTX	3.50	100	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000967275	BIDV-Bắc Sài C
15	1521002068	Nguyễn Thị Hồng	Phi	15DPF	3.50	87	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000969873	BIDV-Bắc Sài C
16	1521001878	Trần Trúc	Hào	15DPF	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	050049536965	Sacombank-Ni hoà, Khánh H
17	1521002078	Nguyễn Thị Kim	Phụng	15DPF	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000969484	BIDV-Bắc Sài C
18	1521002192	Trần Thị	Tình	15DHQ	3.50	86	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000963130	BIDV-Bắc Sài C
19	1521002650	Nguyễn Vy Minh	Thư	15DTX	3.50	85	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000966865	BIDV-Bắc Sài C
20	1521002134	Nguyễn Thị Phương	Thảo	15DHQ	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0181003503527	Vietcombank-Nà Sài Gòn

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
21	1521001864	Đặng Thị Việt	Hằng	15DHQ	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000981929	BIDV-Bắc Sài C
		Cộng:	21								103,031,250		
		Tổng cộng:	31	Sinh viên							119,589,000		

Một trăm mười chín triệu năm trăm tám mươi chín ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

TRƯỞNG KHOA

TP. Hồ Chí Minh, ngày
TRƯỞNG PHÒNG KHTC

tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH-
MARKETING

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Nguyễn Văn Thuận

TS Hoàng Đức Long

DANH SÁCH SINH VIÊN VIÊN KHOA THƯƠNG MẠI
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)
(Kèm theo Quyết định số **1504/QĐ-ĐHTCM** ngày **19/7/2019**)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
A	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ												
I	BẠC CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1610523065	Nguyễn Thị Duy	Uyên	C16E2C	3.50	80	10	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001119316	BIDV-Bắc Sài
2	1610529039	Nguyễn Văn	Phi	C16E2K	3.45	84	11	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001101933	BIDV-Bắc Sài
3	1610521035	Đinh Thị	Ngọc	C16E2A	3.40	83	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001104987	BIDV-Bắc Sài
4	1610521029	Nguyễn Thị Thanh	Lợi	C16E2A	3.30	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001116715	BIDV-Bắc Sài
5	1610531015	Lý Thái	Hung	C16E3	3.30	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001103717	BIDV-Bắc Sài
6	1610525001	Lê Thị Thúy	An	C16E2E	3.25	80	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001124116	BIDV-Bắc Sài
7	1610529024	Trương Thị Nhật	Linh	C16E2K	3.23	85	8	Giỏi	5	326,700	1,633,500	31310001100499	BIDV-Bắc Sài
8	1610531051	Trần Thị Mỹ	Trinh	C16E3	3.30	78	8	Khá	5	297,000	1,485,000	19034261985015	Techcombank-Sài Gòn
9	1610524013	Trần Thị Thúy	Hằng	C16E2D	3.19	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001134276	BIDV-Bắc Sài
10	1610529009	Phạm Thị	Duyên	C16E2K	3.19	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001138694	BIDV-Bắc Sài
11	1610523067	Đặng Huy	Vũ	C16E2C	3.19	79	8	Khá	5	297,000	1,485,000	102869429400	VietinBank-c nhánh 4
12	1610521229	Lê Nguyễn Kim	Mỹ	C16E2N	3.18	78	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001104251	BIDV-Bắc Sài
13	1610521213	Bùi Thị Kim	Hiền	C16E2N	3.11	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001105421	BIDV-Bắc Sài
14	1610525008	Trần Thị Thúy	Diễm	C16E2E	3.09	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	19034056408013	Techcombank-Bình Phước(T Đức)
15	1610521269	Trần Thị Bích	Viên	C16E2N	3.09	78	14	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001135376	BIDV-Bắc Sài
16	1610521111	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	C16E2M	3.08	78	8	Khá	5	297,000	1,485,000	4211205057885	AGRIBANK-T Phước, Quảng N
17	1610521271	Nguyễn Thị	ý	C16E2N	3.08	78	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001140079	BIDV-Bắc Sài
18	1610521113	Trần Thị Ngọc	Hân	C16E2M	3.06	84	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001134744	BIDV-Bắc Sài
19	1610525069	Trần Thị Kim	Yến	C16E2E	3.06	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001134957	BIDV-Bắc Sài
20	1610523015	Phan Huy	Hào	C16E2C	3.04	85	11	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001137770	BIDV-Bắc Sài

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
21	1610524061	Lê Thị Mỹ	Trang	C16E2D	3.03	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001104075	BIDV-Bắc Sài Gòn
22	1610526027	Phạm Thị Hồng	Linh	C16E2F	3.03	78	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001138630	BIDV-Bắc Sài Gòn
23	1610525011	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	C16E2E	3.01	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001117976	BIDV-Bắc Sài Gòn
24	1610521220	Phạm Hữu	Khiêm	C16E2N	3.00	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001101836	BIDV-Bắc Sài Gòn
25	1610522008	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	C16E2B	3.00	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001119079	BIDV-Bắc Sài Gòn
26	1610527025	Nguyễn Hương	Lan	C16E2G	3.00	81	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001103434	BIDV-Bắc Sài Gòn
27	1610523068	Lê Hà Thủy	Vy	C16E2C	3.00	80	10	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001126097	BIDV-Bắc Sài Gòn
28	1610521148	Nguyễn Tấn	Thành	C16E2M	3.00	78	10	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001103151	BIDV-Bắc Sài Gòn
29	1610521021	Lê Nhật	Huy	C16E2A	2.99	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001104224	BIDV-Bắc Sài Gòn
30	1610525043	Trần Thị Bích	Phuong	C16E2E	2.99	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001101049	BIDV-Bắc Sài Gòn
31	1610524029	Trần Mỹ	Linh	C16E2D	2.98	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001135808	BIDV-Bắc Sài Gòn
32	1610529064	Nguyễn Thị	Tuyền	C16E2K	2.97	83	11	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001140316	BIDV-Bắc Sài Gòn
33	1610524008	Châu Thị	Diệu	C16E2D	2.96	87	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001105236	BIDV-Bắc Sài Gòn
34	1610524046	Đặng Thị Hoàng	Phuong	C16E2D	2.96	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001130353	BIDV-Bắc Sài Gòn
35	1610523045	Nguyễn Hoàng Tú	Quyên	C16E2C	2.96	80	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001121843	BIDV-Bắc Sài Gòn
36	1610528002	Nguyễn Hà Phương	Anh	C16E2H	2.95	83	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001103498	BIDV-Bắc Sài Gòn
37	1610525009	Nguyễn Thị Mỹ	Diệu	C16E2E	2.94	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001117985	BIDV-Bắc Sài Gòn
38	1610528028	Lê Thị Thanh	Loan	C16E2H	2.93	89	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001124383	BIDV-Bắc Sài Gòn
39	1610527024	Từ Thị Minh	Khuyên	C16E2G	2.93	87	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001133079	BIDV-Bắc Sài Gòn
40	1610527026	Trương Thị Bích	Liên	C16E2G	2.93	80	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001133404	BIDV-Bắc Sài Gòn
41	1610521007	Nguyễn Thị Anh	Đào	C16E2A	2.93	78	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001119963	BIDV-Bắc Sài Gòn
42	1610527037	Nguyễn Thị Tổ	Nguyên	C16E2G	2.91	81	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001140574	BIDV-Bắc Sài Gòn
43	1610523028	Phạm Mĩ	Linh	C16E2C	2.91	80	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001206184	BIDV-Bắc Sài Gòn
44	1610529049	Nguyễn Thị Thu	Thảo	C16E2K	2.90	80	8	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001132270	BIDV-Bắc Sài Gòn
45	1610526026	Nguyễn Kim	Liên	C16E2F	2.89	80	11	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001103364	BIDV-Bắc Sài Gòn
46	1610522006	Nguyễn Hữu	Có	C16E2B	2.87	89	23	Khá	5	297,000	1,485,000	31310001121694	BIDV-Bắc Sài Gòn
47	1610525059	Phạm Huyền	Trang	C16E2E	2.85	82	8	Khá	5	297,000	1,485,000	0081001335316	Vietcombank-Vietnam
		Cộng:		47							1,485,000	0081001335316	Tàu
II BẮC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D												70,834,500	
1	1521001469	Đào Thị Kim	Doan	15DTM2	4.00	94	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	167732046	VPBank-TP.HC
2	1521001461	Nguyễn Thị Anh	Đào	15DTM2	4.00	92	8	Xuất sắc	5	1,093,750	5,468,750	31310000970413	BIDV-Bắc Sài Gòn

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
3	1521001605	Trần Thị Yến	Nhi	15DKQ2	4.00	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0071001286958	Vietcombank TP.HCM
4	1521001432	Nguyễn Thị Trương	Anh	15DKQ2	3.50	94	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000967752	BIDV-Bắc Sài Gòn
5	1521001670	Nguyễn Kim	Thành	15DKQ1	3.50	93	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	060220201336	Sacombank-Tân Phú
6	1521001736	Phạm Khương Tú	Uyên	15DKQ2	3.50	93	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	175427228	VP Bank-TP.HCM
7	1521001662	Nguyễn Ngọc Như	Thái	15DKQ2	3.50	90	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	19033071034018	TECHCOMBANK Chi nhánh Cầu Giấy
8	1521001482	Lê Trần Mỹ	Duyên	15DTM3	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0911000029637	Vietcombank-Văn Trì, Gò Vấp
9	1521001614	Nguyễn Thị Kim	Nhung	15DTM3	3.50	84	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	060215728679	Sacombank-PC TOWN
10	1521001434	Phạm Thị Ngọc	Anh	15DKQ1	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000966041	BIDV-Bắc Sài Gòn
11	1521001709	Lê Thị Thanh	Tĩnh	15DTM2	3.50	83	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978781	BIDV-Bắc Sài Gòn
12	1521001535	Huỳnh Thị Thu	Kiều	15DTM1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000972826	BIDV-Bắc Sài Gòn
13	1521001585	Võ Đại	Nghĩa	15DTM1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0271001050274	Vietcombank-Quận Ngãi
14	1521001604	Phan Thị Ý	Nhi	15DTM1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0051000557842	Vietcombank-Chợ Nhớn
15	1521001708	Đỗ Thị Thanh	Tĩnh	15DTM1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000974770	BIDV-Bắc Sài Gòn
16	1521001745	Huỳnh Phương	Vy	15DTM1	3.50	82	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	0071001095347	Vietcombank-Thành phố
17	1521001746	Huỳnh Thị Thủy	Vy	15DTM2	3.50	81	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000972792	BIDV-Bắc Sài Gòn
18	1521001437	Lê Thị Ngọc	Ánh	15DTM1	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000978994	BIDV-Bắc Sài Gòn
19	1521001544	Bùi Thùy	Linh	15DTM1	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000976314	BIDV-Bắc Sài Gòn
20	1521001567	Trịnh Thị Đông	Mai	15DTM3	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	31310000962687	BIDV-Bắc Sài Gòn
21	1521002647	Trần Tuyết	Nghi	15DKQ2	3.50	80	8	Giỏi	5	962,500	4,812,500	115274538	VPBank-TP.HCM
		Cộng:	21										
		Tổng cộng (A):	68								102,375,000		
B	CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO												
I	BẬP CAO ĐẲNG - KHÓA: C16												
1	1630503008	Nguyễn Thị	Hà	C16Q2E3	3.30	88	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001119282	BIDV-Bắc Sài Gòn
2	1630506052	Hồ Hoàng	Vân	C16Q2E6	3.30	88	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	31310001128224	BIDV-Bắc Sài Gòn
3	1630506018	Nguyễn Trà	My	C16Q2E6	3.30	84	7	Giỏi	5	653,400	3,267,000	0881000455649	Vietcombank-Chợ Nhớn

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hà Chi nhả	
4	1630503038	Trần Thị Kim	Ngọc	C16Q2E3	3.30	83	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001135020	BIDV-Bắc S
5	1630503055	Trần Thị Bích	Tuyền	C16Q2E3	3.30	83	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001135394	BIDV-Bắc S
6	1630503058	Nguyễn Thị	Vi	C16Q2E3	3.30	83	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001140158	BIDV-Bắc S
7	1630503060	Lương Hoàng	Yến	C16Q2E3	3.30	83	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001123469	BIDV-Bắc S
8	1630501027	Lê Ngọc	Nhi	C16Q2E1	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001125775	BIDV-Bắc S
9	1630502026	Hoàng Hồng Bích	Ngọc	C16Q2E2	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001127753	BIDV-Bắc S
10	1630504015	Nguyễn Quốc	Huy	C16Q2E4	3.30	82	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001103188	BIDV-Bắc S
11	1630501011	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	C16Q2E1	3.30	81	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001132049	BIDV-Bắc S
12	1630501035	Đỗ Ngọc	Thu	C16Q2E1	3.30	81	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001104932	BIDV-Bắc S
13	1630501046	Trịnh Hoàng Thảo	Trình	C16Q2E1	3.30	81	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	0110455530	Ngân hàng Đô
14	1630501049	Lưu Thị Bích	Tuyền	C16Q2E1	3.30	81	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001103744	Quận 9
15	1630502056	Lê Thị Ngọc	Yến	C16Q2E2	3.30	81	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	31310001124480	BIDV-Bắc S
16	1630501008	Nguyễn Thị Thanh	Dung	C16Q2E1	3.30	80	7	Giỏi	5	653,400		3,267,000	0261003455329	Vietcombank-Định
17	1630505052	Đinh Thị Thu	Thủy	C16Q2E5	3.30	79	7	Khá	5	594,000		2,970,000	31310001129607	BIDV-Bắc S
18	1630505035	Trần Thị Yến	Nhi	C16Q2E5	3.30	78	7	Khá	5	594,000		2,970,000	31310001134036	BIDV-Bắc S
19	1630503010	Phan Thị Bích	Hạnh	C16Q2E3	3.30	77	7	Khá	5	594,000		2,970,000	31310001137585	BIDV-Bắc S
20	1630501007	Đoàn Thúy	Diễm	C16Q2E1	3.30	74	7	Khá	5	594,000		2,970,000	31310001128738	BIDV-Bắc S
		Cộng:	20											
II	BẠC ĐẠI HỌC - KHÓA: 15D												64,152,000	
1	1521000895	Ngô Ngọc Hoàng	Thúy	CLC_15DTM2	4.00	96	8	Xuất sắc	5	2,187,500		10,937,500	407025341700001	Nam Á-Nha Tr
2	1521001612	Hồ Trương Hồng	Nhung	CLC_15DTM2	4.00	91	8	Xuất sắc	5	2,187,500		10,937,500	0331000503076	Khánh Hòa
3	1521001697	Lưu Thị Thu	Thủy	CLC_15DTM2	3.70	89	8	Giỏi	5	1,925,000		9,625,000	31310000987352	Vietcombank-S
4	1521002155	Đoàn Thị Minh	Thư	CLC_15DTM2	3.70	81	8	Giỏi	5	1,925,000		9,625,000	31310000987431	Gòn
5	1521002223	Phạm Phương	Trình	CLC_15DTM2	3.70	81	8	Giỏi	5	1,925,000		9,625,000	31310000987176	BIDV-Bắc Sài C
6	1521000530	Trần Thị Ngọc	Châu	CLC_15DTM1	3.70	80	8	Giỏi	5	1,925,000		9,625,000	31310001206351	BIDV-Bắc Sài C
7	1521001427	Trần Thị Thanh	An	CLC_15DTM1	3.70	80	8	Giỏi	5	1,925,000		9,625,000	31310001206342	BIDV-Bắc Sài C
8	1521002273	Lâm Thúy	Vi	CLC_15DTM2	3.50	87	8	Giỏi	5	1,925,000		9,625,000	0700 9999 8979	BIDV-Bắc Sài C
														Sacombank- PC
														Vĩnh Thuận-Ki
														Giang

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng	Ngân Hàng Chi nhánh
9	1521002290	Nguyễn Ngọc Tường Vy		CLC_15DTM2	3.50	87	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310000987273	BIDV-Bắc Sài
10	1521001724	Võ Thị Tuyết Trinh		CLC_15DTM2	3.50	84	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310000987121	BIDV-Bắc Sài
11	1521002581	Nguyễn Hồng Thiên Phúc		CLC_15DTM2	3.50	84	8	Giỏi	5	1,925,000	9,625,000	31310000987486	BIDV-Bắc Sài
Vượt 02 CT do có 03 SV cùng điểm HT và RL, cùng Điểm theo thang điểm 10 là: 8.00 - Chia đều cho 3 SV													
12	1521001096	Nguyễn Lê Bình Minh		CLC_15DTM2	3.50	83	8	Giỏi	5	1,925,000	3,208,333	16810000273512	BIDV-Bến Tre
13	1521001565	Nguyễn Quỳnh Mai		CLC_15DTM2	3.50	83	8	Giỏi	5	1,925,000	3,208,333	31310000987246	BIDV-Bắc Sài
14	1521002271	Đặng Ngọc Tường Vi		CLC_15DTM2	3.50	83	8	Giỏi	5	1,925,000	3,208,333	133799017	Timo của VPB
		Cộng:	14										TP.HCM
		Tổng Cộng (B):	34								118,124,999		
		Tổng cộng(A+B):	102	Sinh viên							182,276,999		
											355,486,499		

Ba trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi chín đồng./.

NGƯỜI LẬP

Am

Thái T. Lan Anh

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

un

ThS. Nguyễn Thanh Hải

P. TRƯỞNG KHOA

Ph.D.

TS. Hà Đức Sơn

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

hu



TS Hoàng Đức Long

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỌC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC TẾ
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019 (HK II, NH: 2018 – 2019)**
(Kèm theo Quyết định số **1504** /QĐ-ĐHTCM ngày **19** / 7 /2019)

Stt	MSSV	Họ	Tên	Lớp	KQ HT	KQ RL	Số TC	Xếp loại	Số Tháng	Mức học bổng 1 tháng	Thành tiền (đ)	Số tài khoản Ngân hàng BIDV-Bắc S Gòn
	KHÓA: 15D											
1	1521001879	Đinh Thị Thanh	Hiền	IP_15DKQ	4.00	91	6	Xuất sắc	5	2,734,375	13,671,875	313100011425
		Tổng cộng:	1	Sinh viên							13,671,875	

Mười ba triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 7 năm 201

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG KHTC

HIỆU TRƯỞNG

Am

Wm

Wm

Wm

Wm

Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

PGS.TS
Trần Nguyễn Ngọc Anh Chúc

TS Hoàng Đức Long

**BẢNG TỔNG HỢP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP KHÓA C16 và 15D HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019
(HK 2, NH: 2018-2019)**

(HK 2, NH: 2018-2019)

STT	KHÓA	CHỈ TIÊU HK2 (1)	CHỈ TIÊU HK2 (chuyên đổi -CLC-ĐT) (2)	CHỈ TIÊU HK1 CÒN THỪA (3)	CHỈ TIÊU HK1 CÒN THỪA (tính theo số tiền) (4) (4)=(3)*2	TỔNG CHỈ TIÊU HK2 (5) (5)=(1)+(2)+(4)	SUẤT HỌC BỔNG ĐẠT THỰC TẾ					TỔNG SUẤT (6)	CHÊNH LỆCH SUẤT HB (7) (7)=(5)-(6)	SỐ TIỀN HB (đ)	GHI CHÚ	
							XUẤT SẮC		GIỎI		KHÁ					
I- CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ																
1	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN															
	C16	2			0	2	1	1,856,250	1	1,633,500		1,485,000	2	0	3,489,750	
	15D	4			0	4	3	5,468,750	1	4,812,500			4	0	21,218,750	
	Cộng	6	0	0	0	6	4		2		0		6	0	24,708,500	
2	KHOA DU LỊCH															
	C16	8			0	8		1,856,250	8	1,633,500		1,485,000	8	0	13,068,000	
	15D	21			0	21	4	5,468,750	16	4,812,500			22	-1	103,687,500	Vượt 1
	Cộng	29	0	0	0	29	4		26		0		30	-1	116,755,500	
3	KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN															
	C16	33			0	33		1,856,250	32	1,633,500		1,485,000	34	-1	53,905,500	Vượt 1
	15D	12		10	20	32	1	5,468,750	25	4,812,500			35	-3	154,656,247	Vượt 3
	Cộng	45	0	10	20	65	1		68		0		69	-4	208,561,747	
4	KHOA MARKETING															
	C16	10			0	10		1,856,250	9	1,633,500	1	1,485,000	10	0	16,186,500	
	15D	23		18	36	59	5	5,468,750	50	4,812,500			60	-1	287,218,750	Vượt 1
	Cộng	33	0	18	36	69	5		64		1		70	-1	303,405,250	

Page 1 of 4

STT	KHÓA	CHỈ TIÊU HK2 (1)	CHỈ TIÊU HK2 (chuyên đổi -CLC-ĐT) (2)	CHỈ TIÊU HK1 CÓN THỪA (3)	CHỈ TIÊU HK1 CÓN THỪA (tính theo số tiền) (4) (4)=(3)*2	TỔNG CHỈ TIÊU HK2 (5) (5)=(1)+(2)+(4)	SUẤT HỌC BỔNG ĐẠT THỰC TẾ						CHÊNH LỆCH SUẤT HB (7) (7)=(5)-(6)	SỐ TIỀN HB (đ)	GHI C	
							XUẤT SẮC		GIỎI		KHÁ					TỔNG SUẤT (6)
5	KHOA NGOẠI NGỮ															
	15D	6		2	4	10	1	5,468,750	9	4,812,500			10	0	48,781,250	
	Cộng	6	0	2	4	10	1		9		0	0	10	0	48,781,250	
6	KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH															
	C16	18			0	18		1,856,250	9	1,633,500	9	1,485,000	18	0	28,066,500	
	15D	22		2	4	26	2	5,468,750	24	4,812,500			43	-1	203,437,500	Vượt l
	Chi tiêu CLC15D thừa		16			16			15	4,812,500						
	Cộng	40	16	2	4	60	2		50		9					
7	KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG															
	C16	5			0	5		1,856,250	5	1,633,500		1,485,000	5	0	8,167,500	
	15D	17			0	17	10	5,468,750	7	4,812,500			26	-1	126,875,000	Vượt l
	Chi tiêu CLC15D thừa		8			8			7	4,812,500						
	Cộng	22	8	0	0	30	10		21		0					
8	KHOA THẨM ĐỊNH GIÁ - KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN															
	15D	5			0	5	2	5,468,750	3	4,812,500			5	0	25,375,000	
	Cộng	5	0	0	0	5	2		3		0	0	5	0	25,375,000	
9	KHOA THUẾ - HẢI QUAN															
	C16	10			0	10	1	1,856,250	9	1,633,500		1,485,000	10	0	16,557,750	
	15D	9		6	12	21	3	5,468,750	18	4,812,500			21	0	103,031,250	
	Cộng	19	0	6	12	31	4		27		0		31	0	119,589,000	
10	KHOA THƯƠNG MẠI															
	C16	47			0	47		1,856,250	7	1,633,500	40	1,485,000	47	0	70,834,500	

STT	KHÓA	CHỈ TIÊU HK2 (1)	CHỈ TIÊU HK2 (chuyên đổi -CLC-ĐT) (2)	CHỈ TIÊU HK1 CÒN THỪA (3)	CHỈ TIÊU HK1 CÒN THỪA (tính theo số tiền) (4) (4)=(3)*2	TỔNG CHỈ TIÊU HK2 (5) (5)=(1)+(2)+(4)	SUẤT HỌC BỔNG ĐẠT THỰC TẾ						TỔNG SUẤT (6)	CHÊNH LỆCH SUẤT HB (7) (7)=(5)-(6)	SỐ TIỀN HB (đ)	GHI CHÚ					
							XUẤT SẮC		GIỎI		KHÁ										
	15D	16		10	20	36	2	5,468,750	19	4,812,500			21	15	102,375,000	Thừa 15 chuyên chương CLC					
	Cộng	63	0	10	20	83	2		26		40		68	15	173,209,500						
Tổng cộng (I)							268	24	48	96	388	35		296		50		381	7	1,386,932,247	
II- CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO																					
1 KHOA KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN																					
	CLC_16C	8			0	8	2	3,712,500	5	3,267,000		2,970,000	9	-1	27,027,000	Vượt 1					
	CLC_15D	1			0	1	1	10,937,500		1,633,500			1	0	10,937,500						
	Cộng	9	0	0	0	9	3		7	9,625,000	0		10	-1	37,964,500						
2 KHOA MARKETING																					
	CLC_15D	4		3	6	10	1	10,937,500	9	9,625,000			10	0	97,562,500						
	Cộng	4	0	3	6	10	1		9		0	0	10	0	97,562,500						
3 KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH																					
	CLC_16C	9			0	9		3,712,500	8	3,267,000		2,970,000	12	-3	29,403,000	Vượt 3					
	CLC_15D	3		3	6	9	1	10,937,500		816,750			1	8	10,937,500	Thừa 08 chuyên s chương tr đại trà					
	Cộng	12	0	3	6	18	1		12		0		13	5	40,340,500						
4 KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG																					
	CLC_16C	5			0	5	1	3,712,500	3	3,267,000		2,970,000	7	-2	16,780,500	Vượt 2 C					
									3	1,089,000											

STT	KHÓA	CHỈ TIÊU HK2 (1)	CHỈ TIÊU HK2 (chuyên đổi -CLC-ĐT) (2)	CHỈ TIÊU HK1 CÒN THỪA (3)	CHỈ TIÊU HK1 CÒN THỪA (tính theo số tiền) (4) (4)=(3)*2	TỔNG CHỈ TIÊU HK2 (5) (5)=(1)+(2)+(4)	SUẤT HỌC BỔNG ĐẠT THỰC TẾ						TỔNG SUẤT (6)	CHÊNH LỆCH SUẤT HB (7) (7)=(5)-(6)	SỐ TIỀN HB (đ)	GHI C	
							XUẤT SẮC		GIỎI		KHÁ						
	CLC_15D	2		1	2	4		10,937,500		9,625,000			0	4		0	Thừa 0 chuyển chương đại
	Cộng	7	0	1	2	9	1		6		0		7	2	16,780,500		
5	KHOA THƯƠNG MẠI																
	CLC_16C	20			0	20		3,712,500	16	3,267,000	4	2,970,000	20	0	64,152,000		
	CLC_15D	5			0	5	2	10,937,500	3	9,625,000							
	Chi tiêu 15D thừa		7			7			6	9,625,000			14	-2	118,124,999	Vượt 2	
	Cộng	25	7	0	0	32	2		3	3,208,333							
	Tổng cộng (II)	57	7	7	14	78	8		28		4		34	-2	182,276,999		
									62		4		74	4	374,924,999		
	III- CHƯƠNG TRÌNH QUỐC TẾ																
	IP_15D	1			0	1	1	13,671,875		12,031,250			1	0	13,671,875		
	Tổng cộng (III)	1	0	0	0	1	1		0		0		1	0	13,671,875		
	TỔNG (I)+(II)+(III)	326	31	55	110	467	44		358		54		456	11	1,775,529,121		

Một tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm hai mươi chín ngàn một trăm hai mươi một đồng./.

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



ThS. Nguyễn Thanh Hải

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 201



TS Hoàng Đức Long

**BẢNG TỔNG HỢP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
KHÓA C16 và 15D HỌC KỲ ĐẦU NĂM 2019
(HK 2, NH: 2018-2019)**

Stt	Khoa	TỔNG CỘNG	
		Tổng SL	Tổng tiền (đ)
1	Công nghệ Thông tin	6	24,708,500
2	Du lịch	30	116,755,500
3	Kế toán - Kiểm toán	79	246,526,247
4	Marketing	80	400,967,750
5	Ngoại Ngữ	10	48,781,250
6	Quản Trị Kinh Doanh	74	271,844,500
7	Tài chính Ngân hàng	38	151,823,000
8	Thảm ĐG - KDBĐS	5	25,375,000
9	Thuế - Hải quan	31	119,589,000
10	Thương Mại	102	355,486,499
11	Quốc tế	1	13,671,875
	Tổng cộng:	456	1,775,529,121

TP.HCM, ngày 17 tháng 7 năm 2019

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN



ThS. Nguyễn Thanh Hải